

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5-2026

V/v: "Yêu cầu không công nhận
là vợ chồng và tranh chấp nuôi
con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đới Xuân Huy

Các Hôi thăm nhân dân: - Bà Lý Thị The

- Ông Lù Thanh Xá

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 4 - Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2026/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2026 về việc: "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng và tranh chấp nuôi con chung", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chi Khoàng Thi K - sinh năm 1998

Địa chỉ: Bản H, xã M, tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt).

2. *Bi đơn*: Anh Khoàng Văn V - sinh năm 1993

Địa chỉ: Bản H, xã M, tỉnh Lai Châu). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Khoảng Thị K và anh Khoảng Văn V tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2014, việc anh chị về chung sống với nhau không tiến hành đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi chung sống với nhau như vợ chồng được 1 năm, đến năm

2015 thì mâu thuẫn bắt đầu phát sinh. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau. Anh chị đã không còn sống cùng nhau từ năm 2022 cho đến nay. Do tình cảm không còn nên chị K làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Lai Châu giải quyết tuyên bố chị và anh V không phải vợ chồng.

Về con chung: Chị K và anh V có 02 con chung là cháu Khoảng Văn T - sinh 01/3/2015 và cháu Khoảng Văn T1 - sinh ngày 15/9/2017. Chị K đồng ý để cho bố cháu là anh V được quyền nuôi cả hai con chung đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con, anh V và chị K tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị K không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị K có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn trong quá trình làm việc với Tòa án trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh, chị về chung sống với nhau từ năm 2014, việc chung sống là hai bên tự nguyện, không ai ép buộc. Khi về chung sống với nhau anh, chị chỉ làm đám cưới theo phong tục chứ không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, không tìm thấy tiếng nói chung trong hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện anh, chị không còn ở cùng nhau, anh không còn tình cảm với chị K.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là cháu Khoảng Văn T - sinh 01/3/2015 và cháu Khoảng Văn T1 - sinh ngày 15/9/2017. Anh V đề nghị anh sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung là cháu Khoảng Văn T - sinh 01/3/2015 và cháu Khoảng Văn T1 - sinh ngày 15/9/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con, anh V và chị K tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh V không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Cháu Khoảng Văn T và cháu Khoảng Văn T1 trình bày:

Các cháu hiện đều đang ở với bố là Khoảng Văn V tại bản H, xã M, tỉnh Lai Châu. Các cháu đều có nguyện vọng được ở với bố.

- Tại biên bản xác minh UBND xã Mường Mô, tỉnh Lai Châu cho biết:

Chị Khoảng Thị K - sinh năm 1998 và anh Khoảng Văn V - sinh năm 1993 đều có hộ khẩu thường trú tại bản H, xã M, tỉnh Lai Châu. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định. Chị K và anh V hiện tại không còn sống cùng nhau.

Chị Khoảng Thị K và anh Khoảng Văn V có 02 con chung là cháu Khoảng Văn T - sinh 01/3/2015 và cháu Khoảng Văn T1 - sinh ngày 15/9/2017. Hiện tại các cháu đều đang ở với bố và ông bà nội tại bản H, xã M, tỉnh Lai Châu.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Lai Châu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi T1 báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa xét xử vụ án ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 13/4/2026 Tòa án nhân dân khu vực 4 tiến hành kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ mà anh Khoàng Văn V không có mặt theo T1 báo, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 15, khoản 16, Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản Điều 9; khoản 1, Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4, Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16; khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 7 T1 tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 24, điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Khoàng Thị K và xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX tuyên bố không công nhận chị Khoàng Thị K và anh Khoàng Văn V là vợ chồng.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Khoàng Văn T, sinh ngày 01/3/2015 và cháu Khoàng Văn T1, sinh ngày 05/9/2017 cho anh Khoàng Văn V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu đến khi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Khoàng Thị K và anh Khoàng Văn V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Khoàng Thị K và anh Khoàng Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Chị Khoàng Thị K đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 giải quyết không công nhận chị với anh Khoàng Văn V. Anh V và chị K đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản H, xã M, tỉnh Lai Châu. Vì vậy Tòa án xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4- Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước thời điểm mở phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Khoàng Thị K và anh Khoàng Văn V chung sống với nhau từ năm 2014. Khi về chung sống với nhau anh, chị chỉ làm đám cưới theo phong tục chứ không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh V là hôn nhân không hợp pháp, vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống của chị K và anh V chung sống hạnh phúc đến khoảng thời gian năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau, thời điểm hiện tại chị K đã không còn tình cảm với anh V, anh chị không còn sống chung với nhau. Xét thấy hôn nhân giữa chị K và anh V đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh V là không hợp pháp, việc anh chị chung sống với nhau nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nên yêu cầu khởi kiện của chị K đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị K và anh V là vợ chồng hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị K và anh V có 02 con chung là cháu Khoàng Văn T - sinh 01/3/2015 và cháu Khoàng Văn T1 - sinh ngày 15/9/2017. Anh V đề nghị anh sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị K đồng ý để anh V nuôi cả hai 02 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tại biên bản

lấy ý kiến của các con chưa thành niên, cháu Khoàng Văn T và cháu Khoàng Văn T1 đều có nguyện vọng được ở với bố.

Xét thấy: Các cháu Khoàng Văn T và cháu Khoàng Văn T1 hiện tại đều đang ở với bố. Chị K thường xuyên đi làm ăn xa, không có nguyện vọng nuôi con. Nên yêu cầu của anh V về việc đề nghị là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục hai con chung là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Khoàng Thị K và anh Khoàng Văn V không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về tài sản và nợ chung: Chị Khoàng Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí: Chị Khoàng Thị K phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 9, Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Khoàng Thị K.
2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ, chồng giữa chị Khoàng Thị K và anh Khoàng Văn V.
3. Về con chung: Giao con chung là cháu Khoàng Văn T - sinh 01/3/2015 và cháu Khoàng Văn T1 - sinh ngày 15/9/2017 cho anh Khoàng Văn V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Khoàng Thị K có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở, trừ việc thăm nom con gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Khoàng Thị K phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí toà án số: 0000132 ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND Khu vực 4 - Lai Châu;
- THADS tỉnh Lai Châu;
- UBND xã Mường Mô;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Đoài Xuân Huy